

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HS-ST  
Ngày 23 – 9 – 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
- Ông Phan Châu Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị G, sinh năm 1963 tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Quê quán: Số I đường Đ, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi thường trú: Không xác định; nơi ở hiện tại: Không xác định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); chồng Lê Hoàng O và 02 người con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1992).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 15/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 30/8/2023.

Nhân thân:

- Ngày 18/10/1981 bị Công an Q, thành phố Hồ Chí Minh bắt và lập danh chỉ bản số 7401 về hành vi trộm cắp tài sản, U ra quyết định cưỡng bức lao động.

- Ngày 15/5/1986 bị Công an Q1, thành phố Hồ Chí Minh bắt và lập danh chỉ bản số 7865 về hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 24 tháng tù.

- Ngày 17/6/1988 bị Công an Q1, thành phố Hồ Chí Minh bắt và lập danh chỉ bản số 8235 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, U1 ra quyết định cưỡng bức lao động.

- Ngày 30/8/1992 bị Công an Q2, thành phố Hồ Chí Minh bắt và lập danh chỉ bản số 1638 về hành vi trộm cắp tài sản công dân, phạt cảnh cáo.

- Ngày 13/4/1994 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản công dân.

- Ngày 04/11/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 10/3/2006 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 26/6/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 22/9/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản;

- Ngày 15/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ ngày 26/6/2024 bà Nguyễn Thị Huỳnh A đến cửa tiệm bán đồ chơi trẻ em và đồ nhựa gia dụng của mình ở chợ T thuộc khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để dọn hàng ra bán. Bà Huỳnh A có treo cái túi màu đen trên cây cột trong tiệm. Trong túi có: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 có ốp lưng hình Đôrêmon, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, tiền Việt Nam 8.000.000 đồng. Sau khi dọn đồ xong thì bà Huỳnh A đến lấy túi để trả tiền cho khách thì phát hiện cái túi đã bị mất trộm nên bà Huỳnh A đến Công an thị trấn T trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bị cáo Nguyễn Thị G khai nhận:

Khoảng 04 giờ ngày 26/6/2024, bị cáo Nguyễn Thị G đi xe ôm từ huyện L đến chợ T với mục đích là tìm tài sản lấy trộm. Khi đến chợ T, bị cáo G đi ngang tiệm đồ nhựa của bà Nguyễn Thị Huỳnh A thì nhìn thấy 01 cái túi màu đen treo trên cây cột trong tiệm không có ai trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo Nguyễn Thị G đi đến cây cột lên lút lấy trộm túi màu đen nói trên rồi đón xe ôm đi về chợ V, bị cáo kiểm tra trong túi có 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 6 có ốp lưng hình Đ, 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen và số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo G lấy tiền và điện thoại rồi quăng cái túi đeo xuống sông. Khoảng 10 giờ cùng ngày bị cáo G gặp một người thanh niên tên C khoảng 35 tuổi (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể ở đâu, sống lang thang), do sợ điện thoại di động Iphone 11 có định vị sẽ bị bắt nên bị cáo G đã cho C. Còn điện thoại Iphone 6 thì bị cáo G giữ lại để sử dụng. Bị cáo G lấy số tiền 8.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết 6.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam 2.000.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL.ĐGTS ngày 11/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám trắng đã qua sử dụng có giá bình quân thị trường là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).
- 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, phiên bản 64G, đã qua sử dụng, có giá bình quân thị trường là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản định giá là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Thị G trộm cắp là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 29/6/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Thị G về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ các đồ vật như đã nêu trên.

Xử lý vật chứng: Ngày 22/8/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Huỳnh A gồm:

- Tiền Việt Nam 2.000.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám, đã qua sử dụng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Huỳnh A không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị G bồi thường về trách nhiệm dân sự đối với tài sản bị mất trộm.

Tại Cáo trạng số: 89/CT-VKSTB ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị G thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị G về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo nộp lại số tiền thu nhập bất chính là 6.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 05 giờ ngày 26/6/2024 tại chợ T thuộc khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Nguyễn Thị G lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản nên đã có hành vi lên lút lấy trộm 01 cái túi, bên trong có: 01 cái điện thoại

đi động hiệu Iphone 6 có ốp lưng hình Đ, 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, tiền Việt Nam 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Huỳnh A. Tổng tài sản Nguyễn Thị G lấy trộm là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn. Bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, đã chấp hành nhiều bản án phạt tù tội Trộm cắp tài sản nhưng vẫn không sửa đổi. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[2.3.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.3.2] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị G nộp lại số tiền thu nhập bất chính do hành vi phạm tội mà có với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị G thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị G nộp lại số tiền thu nhập bất chính do hành vi phạm tội mà có với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị G.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thanh Thảo**